TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2019/DS-ST
Ngày 28- 11 - 2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hoài Phong
Ông Trương Minh Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 509/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp TTA, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trịnh Thanh L, sinh năm 1961; cư trú tại: Số 09 HTT, khóm 3, phường 7, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp TTA, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Q, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp TTA, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị S là bạn bè quen biết nhau. Bà S có mượn tiền của ông Đ nhiều lần vào thời gian khác nhau không nhớ ngày tháng vào đầu năm 2016 đến năm 2018. Mục đích ông Đ cho mượn tiền để sau đó ông Đ cân tôm của bà S để trừ dần. Quá trình hai bên giao dịch đến ngày 10/11/2018 ông Đ và bà S có đối chiếu tất cả các khoản nợ thì bà S còn nợ ông Đ số tiền là 312.000.000 đồng. Sau đó ông Đ có đòi tiền nhiều lần nhưng bà S không thanh toán số tiền trên. Nay ông Đ yêu cầu bà S

phải trả cho ông số tiền là 312.000.000 đồng và lãi suất 05 tháng kể từ ngày 10/11/2018 đến ngày 10/4/2019 là = 17.550.000 đồng. Tổng cộng ông Đ yêu cầu bà S phải trả cho ông Đ số tiền là 329.550.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Đ vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, về phần lãi suất ông Đ yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 10/11/2018 đến ngày xét xử ngày 28/11/2019 theo mức lãi suất10%/ năm.

* *Bị đơn bà Trần Thị S trình bày:* Bà Trần Thị S có vay tiền của ông Đ vào thời gian như sau:

- Ngày 10/4/2017 vay số tiền 20.000.000 đồng, ngày 05/5/2017 vay 20.000.000 đồng, ngày 06/6/2017 vay 20.000.000 đồng. Tổng số tiền vốn vay là 60.000.000 đồng. Lãi suất của các lần vay là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 5.400.000 đồng/60.000.000 đồng/tháng). Khoản vay này bà chưa đóng lãi. Tháng 7/2017 do không có tiền đóng lãi nên bà có vay thêm 20.000.000 đồng, lãi suất cũng là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Ông Đ chỉ giao cho bà số tiền 14.600.000 đồng (do ông Đ trừ ba tháng tiền lãi của các khoản vay nêu trên là 5.400.000 đồng). Tháng 8/2017 vay thêm 20.000.000 đồng, lãi suất cũng là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, ông Đ chỉ giao cho bà số tiền 12.800.000 đồng (do ông Đ trừ tiền lãi của các khoản vay nêu trên chưa đóng là 7.200.000 đồng). Tháng 9/2017 bà vay thêm 20.000.000 đồng lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, ông Đ cũng đưa cho bà số tiền vốn là 11.000.000 đồng (ông Đ đối trừ tiền lãi là 9.000.000 đồng), tháng 10/2017 vay thêm 20.000.000 đồng (lần này ông Đ đưa đủ tiền). Như vậy, tổng tiền vốn của 06 lần vay là 120.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 10.800.000 đồng/120.000.000 đồng/tháng). Sau khi vay bà đóng lãi thêm được 07 tháng là từ tháng 10/2017 đến tháng 5/2018 (mỗi tháng 10.800.000 đồng/120.000.000 đồng/tháng). Do không có khả năng trả lãi cho ông Đ nên tháng 6/2018 bà vay thêm của ông Đ số tiền 80.000.000 đồng nhưng lần này ông Đ yêu cầu bà phải thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà mới cho vay (diện tích đất không nhớ bao nhiêu) lần vay này có làm biên nhận. Ông Đ viết biên nhận bà ký tên, biên nhận này ông Đ giữ vì chỉ lập một bản. Cộng số tiền 120.000.000 đồng đã vay 06 lần trước đó, như vậy bà S vay của ông Đ là 200.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 19.000.000 đồng/200.000.000 đồng/tháng). Khi đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ thì không có làm biên nhận hay giấy tờ gì và trong quá trình giao dịch vay tiền cũng như đóng lãi có khi làm biên nhận có khi không. Biên nhận hai bên có giữ nhưng hiện nay bà đã làm mất biên nhận. Sau khi vay bà đóng lãi thêm được 06 tháng là từ tháng 6/2018 đến tháng 12/2018 thì không có khả năng đóng lãi nên chị của bà là Trần Thị Q mới thỏa thuận trả đủ số tiền vốn 200.000.000 đồng cho ông Đ và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp nêu trên. Như vậy, nay bà xác định chỉ còn nợ ông Đ ba tháng lãi suất, mỗi tháng 19.000.000 đồng, ba tháng là 57.000.000 đồng, nay yêu cầu được trả dần, ông Đ yêu cầu bà phải trả số tiền 312.000.000 đồng bà không đồng ý.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Q trình bày:* Vào tháng 10/2018 bà S có đến gặp bà tại nhà của bà ở ấp TTA, xã TD nói về việc bà S có nợ ông Đ số tiền vốn vay 200.000.000 đồng, không có khả năng đóng lãi nên nhờ bà trả giùm. Trước đó bà có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng của bà S đứng tên

(do bà S chưa tách hộ khẩu) nên bà có đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S cho bà S đi vay tiền tại Ngân hàng để trả nợ cho ông Đ nhưng sau đó bà phát hiện bà S không đi vay tiền trả cho ông Đ mà tiếp tục thế chấp cho ông Đ. Sau khi bà biết được sự việc thì do bà S là em ruột của bà nên bà đồng ý đứng ra trả tiền giùm cho bà S. Bà có xuất ra số tiền 200.000.000 đồng để trả cho ông Đ, việc trả tiền này là trả tại nhà bà ở ấp TTA, xã TD, khi trả tiền có mặt bà và ông Đ ngoài ra người khác không có ai chứng kiến. Lý do khi trả tiền cho ông Đ không làm biên nhận là do bà và ông Đ là ở xóm với nhau nên tin tưởng không làm biên nhận. Việc giữa bà S và ông Đ có vay tiền có làm biên nhận gì trước đó thì bà không biết. Đối với số tiền 200.000.000 đồng của bà đã xuất ra trả nợ thay cho bà S thì bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Sự việc ông Đ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S cho bà là trước khi bà trả số tiền 200.000.000 đồng cho ông Đ khoảng vài ngày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ buộc bà Trần Thị S phải trả cho ông NguyễnVăn Đ số tiền vốn là 312.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí giám định bà S phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Bà Trần Thị S và bà Trần Thị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện bà Trần Thị S về việc để đòi lại số tiền cho mượn nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét về nội dung tranh chấp:

Ông Nguyễn Văn Đ khai do giữa ông với bà S có mối quan hệ là bạn bè nên trong năm 2016 đến năm 2018 ông có cho bà S mượn tiền nhiều lần có làm biên nhận, đến ngày 10/11/2018 hai bên có đối chiếu tất cả các khoản nợ thì bà S còn nợ ông Đ số tiền là 312.000.000 đồng, có làm biên nhận. Bà Trần Thị S xác định năm 2017 ông Đ cho bà vay tiền nhiều lần, lãi suất là 300.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Tổng chỉ vay số tiền là 200.000.000 đồng và đã trả xong, nay chỉ còn nợ ba tháng lãi là 57.000.000 đồng. Bà Q xác định có xuất ra số tiền 200.000.000 đồng để trả thay cho bà S.

Xét về số tiền vay: Bà S cho rằng giao dịch giữa bà và ông Đ là giao dịch vay tiền có lãi suất và có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà. Tuy nhiên, lời trình bày của bà S không được ông Đ thừa nhận, bà S cũng không

cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc có vay tiền tổng cộng 200.000.000 đồng với lãi suất như bà đã trình bày. Đối với ông Đ theo các tài liệu ông Đ nộp có giấy ghi bắt đầu bằng chữ *" chế thiếu cậu Đ ... kết thúc bằng Trần Thị S"* nội dung Trần Thị S thiếu ông Đ 312.000 đồng *và Biên nhận đề ngày 10/11/2018* thể hiện nội dung bà Trần Thị S có nợ 312.000.000 đồng. Đối với giấy ghi và biên nhận này bà S không thừa nhận là chữ viết của bà. Về việc này xét thấy tại Kết luận giám định số 138/GĐ-20019 ngày 09/11/2019 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Cà Mau kết luận biên nhận ngày 10/11/2018 cùng với các mẫu so sánh theo quyết định trưng cầu giám định của Tòa án là do một người viết ra. Như vậy, có căn cứ xác định bà S có nợ ông Đ số tiền là 312.000.000 đồng như ông Đ trình bày.

Xét về việc trả nợ cho ông Đ thấy rằng: Bà S và bà Q trình bày bà Q có xuất ra số tiền 200.000.000 đồng để trả nợ thay cho bà S. Xét thấy việc trả nợ này ông Đ xác định trả trước khi kết nợ. Mặc khác, bà S và bà Q cũng không xuất trình được tài liệu văn bản để chứng minh cho việc trả nợ và mốc thời gian trả nợ cũng như lời trình bày của bà Q khi trả nợ không có ai khác ngoài bà Q và ông Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định: *" Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..."* nên buộc bà S phải trả cho ông Đ số tiền là 312.000.000 đồng là phù hợp.

Xét về lãi suất: Xét yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 10/11/2018 đến ngày xét xử ngày 28/11/2019 theo mức lãi suất10%/ năm thấy rằng mốc thời gian để bắt đầu tính lãi từ ngày 10/11/2018 là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định*" Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả"*. Do đó, kể từ ngày 10/11/2018 bà S không thanh toán cho ông Đ số tiền nợ còn lại nên phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự quy định, lãi suất tính từ ngày 10/11/2018 đến ngày 28/11/2019 - ngày xét xử sơ thẩm được tính: 312.000.000 đồng x 10%/năm x 12 tháng 18 ngày = 32.760.000 đồng.

Như nhận định trên, buộc bà S phải trả cho ông Đ số tiền vốn là 312.000.000 đồng và lãi suất là 32.760.000 đồng. Tổng cộng là 344.760.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí và chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Buộc bà Trần Thị S phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền vốn vay là 312.000.000 đồng và lãi suất là

32.760.000 đồng. Tổng cộng là 344.760.000 đồng (ba trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm S mươi nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị S phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 17.238.000 đồng (mười bảy triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ 8.239.000 đồng (tám triệu hai trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009301 ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu, ông Đ đã dự nộp 4.880.000 đồng (bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) được nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi. Bà Trần Thị S phải chịu 4.880.000 đồng (bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Bà S có trách nhiệm nộp số tiền trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả lại cho ông Đ.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng bà Trần Thị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Biện Thị Nhung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.